ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /QĐ-UBND	*Tân Cương, ngày 02 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công khai dự toán ngân sách năm 2024 của xã Tân Cương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11888/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND xã Tân Cương khóa XXVI, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ chín về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Tân Cương năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của xã Tân Cương với nội dung cụ thể như sau:

(Có các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND, Bộ phận kế toán tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy; TT HĐND;
- TT UB MTTQ và các ban ngành đoàn thể;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VP, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TÂN CƯƠNG T.P THÁI NGUYÊN T. THÁI NGUYÊN

Phạm Tiến Sỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/QĐ-UBND	*Tân Cương, ngày 02 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công khai dự toán ngân sách năm 2024 của xã Tân Cương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11888/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND xã Tân Cương khóa XXVI, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ chín về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Tân Cương năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của xã Tân Cương với nội dung cụ thể như sau:

(Có các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND, Bộ phận kế toán tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy; TT HĐND;
- TT UB MTTQ và các ban ngành đoàn thể;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VP, KT.

CHỦ TỊCH

Phạm Tiến Sỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /QĐ-UBND	*Tân Cương, ngày 02 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công khai dự toán ngân sách năm 2024 của xã Tân Cương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11888/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND xã Tân Cương khóa XXVI, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ chín về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Tân Cương năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của xã Tân Cương với nội dung cụ thể như sau:

(Có các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND, Bộ phận kế toán tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy; TT HĐND;
- TT UB MTTQ và các ban ngành đoàn thể;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VP, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TÂN CƯƠNG T.P THÁI NGUYÊN T. THÁI NGUYÊN

Phạm Tiến Sỹ

UBND Xã Tân Cương
Mã QHNS: 1031949

Biểu số 109/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán năm n	
	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2
Tổng số thu	**8.056.760.563**	**7.640.968.563**
I. Các khoản thu 100%	**56.000.000**	**56.000.000**
- Phí, lệ phí	36.000.000	36.000.000
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
- Thu khác	20.000.000	20.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**1.688.000.000**	**1.272.208.000**
1. Các khoản thu phân chia	346.000.000	346.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	182.000.000	182.000.000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	14.000.000	14.000.000
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	150.000.000	150.000.000
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.342.000.000	926.208.000
- Thuế giá trị gia tăng	400.000.000	345.600.000
- Thuế TNDN		
- Thuế thu nhập cá nhân	942.000.000	580.608.000
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV. Thu chuyển nguồn	**1.117.376.983**	**1.117.376.983**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.195.383.580**	**5.195.383.580**
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.195.383.580	5.195.383.580
- Bổ sung có mục tiêu		

Ngày 9 tháng 1 năm 2024

UBND Xã Tân Cương
Mã QHNS: 1031949

Biểu số 109/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán năm n	
	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2
Tổng số thu	**8.056.760.563**	**7.640.968.563**
I. Các khoản thu 100%	**56.000.000**	**56.000.000**
- Phí, lệ phí	36.000.000	36.000.000
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
- Thu khác	20.000.000	20.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**1.688.000.000**	**1.272.208.000**
1. Các khoản thu phân chia	346.000.000	346.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	182.000.000	182.000.000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	14.000.000	14.000.000
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	150.000.000	150.000.000
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.342.000.000	926.208.000
- Thuế giá trị gia tăng	400.000.000	345.600.000
- Thuế TNDN		
- Thuế thu nhập cá nhân	942.000.000	580.608.000
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV. Thu chuyển nguồn	**1.117.376.983**	**1.117.376.983**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.195.383.580**	**5.195.383.580**
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.195.383.580	5.195.383.580
- Bổ sung có mục tiêu		

Ngày 9 tháng 1 năm 2024

UBND Xã Tân Cương
Mã QHNS: 1031949

Biểu số 109/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán năm n	
	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2
Tổng số thu	**8.056.760.563**	**7.640.968.563**
I. Các khoản thu 100%	**56.000.000**	**56.000.000**
- Phí, lệ phí	36.000.000	36.000.000
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
- Thu khác	20.000.000	20.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**1.688.000.000**	**1.272.208.000**
1. Các khoản thu phân chia	346.000.000	346.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	182.000.000	182.000.000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	14.000.000	14.000.000
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	150.000.000	150.000.000
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.342.000.000	926.208.000
- Thuế giá trị gia tăng	400.000.000	345.600.000
- Thuế TNDN		
- Thuế thu nhập cá nhân	942.000.000	580.608.000
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV. Thu chuyển nguồn	**1.117.376.983**	**1.117.376.983**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.195.383.580**	**5.195.383.580**
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.195.383.580	5.195.383.580
- Bổ sung có mục tiêu		

Ngày 9 tháng 1 năm 2024

UBND Xã Tân Cương
Mã QHNS: 1031949

Biểu số 110/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán năm n		
	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3
Tổng chi ngân sách xã	**7.640.968.563**		**7.640.968.563**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	884.358.000		884.358.000
- Chi dân quân tự vệ	542.638.000		542.638.000
- Chi trật tư an toàn xã hội	341.720.000		341.720.000
2. Chi giáo dục			
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4. Chi y tế			
5. Chi văn hóa, thông tin	161.000.000		161.000.000
6. Chi phát thanh, truyền hình			
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000
8. Chi bảo vệ môi trường			
9. Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000
- Giao thông			
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			
- Thị chính			
- Thương mại, du lịch			
- Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.429.651.000		5.429.651.000
Trong đó: Quỹ lương			
10.1. Quản lý Nhà nước	3.068.236.000		3.068.236.000
10.2. Hội đồng nhân dân	413.446.000		413.446.000
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	802.663.000		802.663.000
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	375.813.000		375.813.000
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	161.057.000		161.057.000
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	150.686.000		150.686.000
10.7. Hội Cựu chiến binh	167.757.000		167.757.000
10.8. Hội Nông dân	156.073.000		156.073.000

Khoản mục	Dự toán năm n		
	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	28.080.000		28.080.000
10.10. Hội Người cao tuổi	28.080.000		28.080.000
10.11. Hội khuyến học	77.760.000		77.760.000
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)			
11. Chi cho công tác xã hội	231.184.000		231.184.000
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	69.804.000		69.804.000
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
- Trợ cấp xã hội	10.000.000		10.000.000
- Khác	151.380.000		151.380.000
12. Chi khác			
13. Dự phòng	136.461.000		136.461.000
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	738.314.563		738.314.563

Ngày 9 tháng 1 năm 2024

UBND Xã Tân Cương
Mã QHNS: 1031949

Biểu số 110/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán năm n		
	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3
Tổng chi ngân sách xã	**7.640.968.563**		**7.640.968.563**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	884.358.000		884.358.000
- Chi dân quân tự vệ	542.638.000		542.638.000
- Chi trật tư an toàn xã hội	341.720.000		341.720.000
2. Chi giáo dục			
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4. Chi y tế			
5. Chi văn hóa, thông tin	161.000.000		161.000.000
6. Chi phát thanh, truyền hình			
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000
8. Chi bảo vệ môi trường			
9. Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000
- Giao thông			
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			
- Thị chính			
- Thương mại, du lịch			
- Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.429.651.000		5.429.651.000
Trong đó: Quỹ lương			
10.1. Quản lý Nhà nước	3.068.236.000		3.068.236.000
10.2. Hội đồng nhân dân	413.446.000		413.446.000
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	802.663.000		802.663.000
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	375.813.000		375.813.000
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	161.057.000		161.057.000
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	150.686.000		150.686.000
10.7. Hội Cựu chiến binh	167.757.000		167.757.000
10.8. Hội Nông dân	156.073.000		156.073.000

Khoản mục	Dự toán năm n		
	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	28.080.000		28.080.000
10.10. Hội Người cao tuổi	28.080.000		28.080.000
10.11. Hội khuyến học	77.760.000		77.760.000
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)			
11. Chi cho công tác xã hội	231.184.000		231.184.000
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	69.804.000		69.804.000
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
- Trợ cấp xã hội	10.000.000		10.000.000
- Khác	151.380.000		151.380.000
12. Chi khác			
13. Dự phòng	136.461.000		136.461.000
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	738.314.563		738.314.563

Ngày 9 tháng 1 năm 2024

UBND XÃ TÂN CƯƠNG **Biểu số 108/CK TC-NSNN**

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
Tổng số thu	**7.640.968.563**	**Tổng số chi**	**7.640.968.563**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	***70.000.000***	***I. Chi đầu tư phát triển***	
Phí môn bài	14.000.000		
Phí, lệ phí	36.000.000		
Thu khác	20.000.000		
II. Các khoản thu phân chi theo tỷ lệ phần trăm (%)	***1.258.208.000***	***II. Chi thường xuyên***	***6.766.193.000***
Thuế thu nhập cá nhân (đất)	580.608.000	Chi dân quân tự vệ	542.638.000
Thuế thu nhập cá nhân (hộ)		Chi an ninh trật tự	341.720.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	182.000.000	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	161.000.000
Thuế đất nông nghiệp	-	Chi sự nghiệp thể thao	25.000.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	150.000.000	Chi sự nghiệp kinh tế	
Thuế giá trị gia tăng	345.600.000	Chi sự nghiệp xã hội	231.184.000
Tiền thuê đất		Chi QL nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.464.651.000
III. Thu bổ sung	***5.195.383.580***	***III. Dự phòng***	***136.461.000***
1. Bổ sung cân đối ngân sách	5.195.383.580		
2. Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu nguồn cải cách tiền lương	**1.117.376.983**	**IV.Chi nguồn cải cách tiền lương**	**738.314.563**

UBND XÃ TÂN CƯƠNG

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
Tổng số thu	**7.640.968.563**	**Tổng số chi**	**7.640.968.563**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	***70.000.000***	***I. Chi đầu tư phát triển***	
Phí môn bài	14.000.000		
Phí, lệ phí	36.000.000		
Thu khác	20.000.000		
II. Các khoản thu phân chi theo tỷ lệ phần trăm (%)	***1.258.208.000***	***II. Chi thường xuyên***	***6.766.193.000***
Thuế thu nhập cá nhân (đất)	580.608.000	Chi dân quân tự vệ	542.638.000
Thuế thu nhập cá nhân (hộ)		Chi an ninh trật tự	341.720.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	182.000.000	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	161.000.000
Thuế đất nông nghiệp	-	Chi sự nghiệp thể thao	25.000.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	150.000.000	Chi sự nghiệp kinh tế	
Thuế giá trị gia tăng	345.600.000	Chi sự nghiệp xã hội	231.184.000
Tiền thuê đất		Chi QL nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.464.651.000
III. Thu bổ sung	***5.195.383.580***	***III. Dự phòng***	***136.461.000***
1. Bổ sung cân đối ngân sách	5.195.383.580		
2. Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu nguồn cải cách tiền lương	**1.117.376.983**	**IV.Chi nguồn cải cách tiền lương**	**738.314.563**

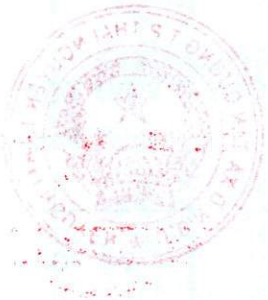

UBND XÃ TAN CƯƠNG

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)				KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	TỒN	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**173.887.129**	**171.110.000**	**138.300.541**	**206.696.588**	**171.110.000**	**171.110.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**173.887.129**	**171.110.000**	**138.300.541**	**206.696.588**	**171.110.000**	**171.110.000**	**0**
Quỹ Đền ơn Đáp ng	711.846	68.490.000	38.485.877	30.715.969	68.490.000	68.490.000	0
Quỹ Vì tuổi thơ	21.083.000	27.360.000	37.614.664	10.828.336	27.360.000	27.360.000	0
Quỹ Khuyến học	16.950.000	13.700.000	13.300.000	17.350.000	13.700.000	13.700.000	0
Quỹ Vì người nghèo	62.420.000	13.660.000	16.500.000	59.580.000	13.660.000	13.660.000	0
Quỹ Chữ thập đỏ	28.018.283	13.670.000	9.100.000	32.588.283	13.670.000	13.670.000	0
Quỹ Chăm sóc người cao tuổi	3.337.500	20.550.000	13.200.000	10.687.500	20.550.000	20.550.000	0
Quỹ Da cam	41.366.500	13.680.000	10.100.000	44.946.500	13.680.000	13.680.000	0

UBND XÃ TAN CƯƠNG

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)				KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	TỒN	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**173.887.129**	**171.110.000**	**138.300.541**	**206.696.588**	**171.110.000**	**171.110.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**173.887.129**	**171.110.000**	**138.300.541**	**206.696.588**	**171.110.000**	**171.110.000**	**0**
Quỹ Đền ơn Đáp ng	711.846	68.490.000	38.485.877	30.715.969	68.490.000	68.490.000	0
Quỹ Vì tuổi thơ	21.083.000	27.360.000	37.614.664	10.828.336	27.360.000	27.360.000	0
Quỹ Khuyến học	16.950.000	13.700.000	13.300.000	17.350.000	13.700.000	13.700.000	0
Quỹ Vì người nghèo	62.420.000	13.660.000	16.500.000	59.580.000	13.660.000	13.660.000	0
Quỹ Chữ thập đỏ	28.018.283	13.670.000	9.100.000	32.588.283	13.670.000	13.670.000	0
Quỹ Chăm sóc người cao tuổi	3.337.500	20.550.000	13.200.000	10.687.500	20.550.000	20.550.000	0
Quỹ Da cam	41.366.500	13.680.000	10.100.000	44.946.500	13.680.000	13.680.000	0